

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2021
V/v ly hôn giữa chị L và anh Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2. Ông Bùi Huy Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* **La Văn Q**, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Thôn C, xã V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh La Văn Q vào năm 2002, việc kết hôn trên cơ sở có sự tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/6/2006 tại UBND xã A (nay là xã V), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu có

hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ tháng 7/2020, nguyên nhân là do anh Q nghiện ma túy, thường xuyên mang tài sản gia đình đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không nghe làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Tháng 8/2020, do không thể tiếp tục chung sống cùng anh Q nên chị đã thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu La Quang V, sinh ngày 07/3/2003 và cháu La Thị H, sinh ngày 10/12/2005. Hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị. Vợ chồng ly hôn, do anh Q nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có điều kiện để nuôi con nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân công ty điện tử ở Bắc Ninh. Mức thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng. Chị đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về quan hệ tài sản, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/11/2020, bị đơn là anh La Văn Q trình bày: Anh xác nhận chị L trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng; Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì căng thẳng, thi thoảng có xảy ra cãi nhau một vài câu nhưng không bao giờ to tiếng, cãi chửi nhau, đánh nhau. Lý do chị L muốn ly hôn với anh có thể là do chị L nghĩ anh vẫn còn chơi bời, nghiện ma túy. Anh từng bị Tòa án xử phạt tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng sau khi chấp hành án xong anh đã cai nghiện thành công, không còn nghiện ma túy nữa. Đến nay, vợ chồng anh vẫn chung sống cùng nhau. Chị L đi làm công ty ở Bắc Ninh từ năm 2012, thường xuyên vắng nhà, vài ba tháng mới về thăm nhà một lần.

Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn yêu thương chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy các con. Anh không muốn vợ chồng phải ly hôn nhưng nếu chị L vẫn nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận.

Vợ chồng có 02 con chung là cháu La Quang V, sinh ngày 07/3/2003 và cháu La Thị H, sinh ngày 10/12/2005. Hiện cả hai cháu đang ở cùng vợ chồng anh. Nếu vợ chồng ly hôn, các cháu ở với ai là theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu muốn ở cùng chị L thì anh cũng đồng ý. Nếu các cháu ở cùng anh thì anh sẽ nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh vừa chấp hành án xong, hiện tại chưa làm công việc gì, chưa có thu nhập. Nếu các con ở cùng thì anh sẽ tìm việc làm để có thu nhập, anh đảm bảo sẽ nuôi dạy được các con.

Anh Q cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Tại phiên hòa giải anh Q thay đổi ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung, đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con.

Tại phiên tòa, anh Q không đồng ý ly hôn với chị L, về con chung anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh nuôi dưỡng.

3. Kết quả xác minh của Tòa án:

3.1. Các con của chị L, anh Q là cháu La Quang V và cháu La Thị H đều trình bày nguyện vọng muốn được ở cùng chị Nguyễn Thị L.

3.2. UBND xã V xác nhận chị L, anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là xã V), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chị L, anh Q có mâu thuẫn gì địa phương không biết. Anh Q trước đây là đối tượng nghiện ma túy, từng có 02 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, vừa chấp hành án xong trở về địa phương. Đến nay anh Q đã cai nghiện được chưa, UBND xã chưa nắm được. Hiện anh Q không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Địa phương xác định chị L sẽ đảm bảo việc nuôi dưỡng hai cháu tốt hơn.

4. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị L và anh La Văn Q được ly hôn nhau; về con chung: Giao cả hai con chung là cháu La Quang V, sinh ngày 07/3/2003 và cháu La Thị H, sinh ngày 10/12/2005 cho chị L nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Miễn án phí ly hôn cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh La Văn Q đều cư trú tại thôn C, xã V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Chị L khởi kiện xin ly hôn anh Q, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh La Văn Q kết hôn từ năm 2002, đến ngày 09/6/2006 chị L, anh Q đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là xã V), huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q là hợp pháp.

Chị L trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh Q nghiện ma túy, thường xuyên phá tán tài sản trong gia đình, chị có khuyên bảo nhưng anh Q không nghe, làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần; nay chị L xác định tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn; mặc dù anh Q mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn, anh Q không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, chị L và anh Q đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh Q có hai người con chung là cháu La Quang V, sinh ngày 07/3/2003 và cháu La Thị H, sinh ngày 10/12/2005. Chị L và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh Q từng là đối tượng nghiện ma túy, vừa chấp hành án phạt tù xong trở về địa phương, hiện nay chưa có việc làm ổn định, không có nguồn thu nhập; chị L hiện làm công nhân, mức thu nhập ổn định từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000đ đồng/tháng nên có điều kiện nuôi con tốt hơn. Do vậy, cần giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất và cũng phù hợp với mong muốn của các cháu là được ở cùng với chị L.

[4] Về án phí: Chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do chị L là thành viên hộ nghèo, thuộc diện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326, chị L có đơn xin miễn nộp án phí nên cần xem xét, miễn án phí cho chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh La Văn Q.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu La Quang V, sinh ngày 07 tháng 3 năm 2003 và cháu La Thị H, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2005.

Anh La Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở anh Q quyền thăm nom con.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn cho chị Nguyễn Thị L.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã V
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng